

Số: 525/BC-UBND

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Việc thực hiện các công trình dự án có thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 và Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư 29/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 và Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 3254/TNMT-QHGD ngày 28/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trình HĐND tỉnh và Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện, UBND huyện Nghi Xuân báo cáo các nội dung như sau:

1. Đánh giá việc thực hiện Danh mục các công trình dự án thu hồi đất năm 2019:

Theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2019 trên địa bàn huyện Nghi Xuân có tổng số 38 công trình, dự án cần thu hồi đất, với tổng diện tích 163,00ha (30 công trình, dự án theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 với diện tích 142,43ha; 8 công trình, dự án theo Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 với diện tích 20,57ha).

(Cụ thể số lượng công trình trên các loại đất có Phụ lục 3A kèm theo)

Cụ thể số lượng công trình trên các loại đất như sau:

- Đến thời điểm ngày 31/10/2019 đã thực hiện 17 công trình dự án, với diện tích 81,73 ha, chiếm 44,74% tổng số danh mục và chiếm 50,14% về diện tích.

Các công trình dự án đã thực hiện bao gồm:

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích thu hồi đất (ha)	Ghi chú
I	Đất khu công nghiệp			1,02	
1	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên	1,02	NQ119 (còn 5,0ha chuyển KH2020)
II	Đất cụm công nghiệp			8,20	
2	Cụm công nghiệp Xuân Lĩnh (thôn 2)	SKN	Xã Xuân Lĩnh	8,20	NQ119
III	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo			0,25	
3	Mở rộng trường THPT Nguyễn Công Trứ	DGD	TT Xuân An	0,25	NQ119
IV	Đất cơ sở thể dục - thể thao			1,30	
4	Quy hoạch sân thể thao Hội Thái	DTT	Xã Xuân Hội	1,30	NQ119
V	Đất giao thông			51,34	
5	Dự án đường ven biển tỉnh Hà Tĩnh	DGT	Xã Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phô, Xuân Hải, Xuân Yên, Xuân Thành, Xuân Liên, Cổ Đạm, Cương Gián	45,15	NQ119
6	Đường giao thông liên xã Giang Viên (ĐH21)	DGT	Xã Xuân Giang, Xã Xuân Viên	1,40	NQ119
7	Đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	DGT	Xã Xuân Yên	0,90	NQ119 (còn 0,1ha chuyển KH2020)
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tiên Yên (huyện lộ HL12)	DGT	Xã Tiên Điền, xã Xuân Yên	0,09	NQ149
9	Nâng cấp tuyến đường liên xã Giang - Tiên (ĐH 26)	DGT	Xã Tiên Điền	0,38	NQ119
10	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	DGT	Xuân Viên, Xuân Lĩnh	1,62	NQ119 (còn 0,08ha chuyển 2020)
11	QH tuyến đường Giang - Tiên	DGT	Xã Tiên Điền	1,80	NQ149
V	Đất thủy lợi			12,00	
12	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1) đoạn từ Km32+693,87 đến Km37+411,66 thuộc dự án tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn km27+00 đến Km37+411) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián	DTL	Xã Cương Gián	12,00	NQ119
VI	Đất công trình năng lượng			1,62	
13	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	DNL	Xã Xuân Lam	0,50	NQ149
		DNL	Xã Xuân Viên	1,10	

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích thu hồi đất (ha)	Ghi chú
14	Di dời đường dây điện trung áp	DNL	Xã Xuân Mỹ	0,02	NQ119
VII	Đất ở tại nông thôn			2,00	
15	Quy hoạch đất ở đồng Nhà Cờ (thôn Trung Vân)	ONT	Xã Xuân Hải	0,25	NQ119
16	Quy hoạch tái định cư và khu dân cư dự án xây dựng Tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	ONT	Thôn Yên Thông, xã Xuân Yên	0,20	NQ119 (còn 0,75ha chuyển KH2020)
		ONT	Thôn Trường Thanh, xã Xuân Trường	0,30	
		ONT	Thôn Đại Đồng, xã Cương Gián	0,20	
		ONT	Thôn Trung Vân, xã Xuân Hải	0,05	
		ONT	Thôn Thanh Văn, Thành Yên, xã Xuân Thành	1,00	
VIII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa			4,00	
17	Quy hoạch nghĩa trang tại Vĩnh Lạc (xóm Hội Thành)	NTD	Xã Xuân Hội	4,00	NQ119
	TỔNG: 17 DM			81,73	

- Có 21 danh mục công trình dự án đề nghị chuyển sang thực hiện năm 2020 với diện tích 81,27ha, chiếm 55,26% tổng số danh mục và chiếm 49,86% tổng diện tích. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích thu hồi đất (ha)	Ghi chú
I	Đất khu công nghiệp			35,47	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên, TT Xuân An	10,64	NQ119
2	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên	5,00	NQ119 (đã thực hiện 1,02ha)
3	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xuân Viên, TT Xuân An	8,00	NQ119
4	QH các lô đất thuộc QH khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên	11,83	NQ119
II	Đất cơ sở giáo dục -đào tạo			0,30	
5	Mở rộng Trường Mầm non Xuân An	DGD	TT Xuân An	0,30	NQ119
III	Đất giao thông			7,89	
6	Đường giao thông nối QL1A đến bãi đỗ xe đền chợ Cùi xã Xuân Hồng	DGT	Xã Xuân Hồng	0,60	NQ119

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích thu hồi đất (ha)	Ghi chú
7	Nâng cấp tuyến đường liên xã An - Viên - Mỹ - Thành	DGT	Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Thành, TT Xuân An	4,50	NQ119
8	Đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	DGT	Xã Xuân Yên	0,10	NQ119 (đã thực hiện 0,9ha)
9	Nâng cấp các tuyến đường nội thị Thị Trấn Xuân An (đường Nguyễn Xi và đường Phan Duy Linh)	DGT	TT Xuân An	1,13	NQ119
10	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hải - Yên - Thành	DGT	Xuân Hải, Xuân Yên, Xuân Thành	0,48	NQ119
11	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	DGT	Xuân Viên, Xuân Lĩnh	0,08	NQ119 (đã thực hiện 1,62ha)
12	Nâng cấp đường từ Khu lưu niệm Nguyễn Du đến đường vào mộ Nguyễn Du	DGT	Xã Tiên Điền	1,00	NQ149
IV	Đất thủy lợi			3,52	
13	Đê Hội Thống Giai đoạn 2	DTL	Xuân Hải, Xuân Phổ	0,72	NQ119
14	QH xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp khu công nghiệp Gia Lách	DTL	TT Xuân An	1,10	NQ119
		DTL	Xã Xuân Viên	1,70	
V	Đất chợ			2,10	
15	Mở rộng chợ Giang Định	DCH	TT Nghi Xuân	2,00	NQ119
16	Mở rộng chợ Xuân An	DCH	TT Xuân An	0,10	NQ119
VI	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			2,26	
17	QH mở rộng khu di tích LS-VH Nguyễn Công Trứ	DDT	Xã Xuân Giang	0,36	NQ119
18	QH mở rộng Khu lăng mộ Nguyễn Nghiệm	DDT	Xã Tiên Điền	1,90	NQ149
VII	Đất ở tại nông thôn			19,73	
19	Quy hoạch tái định cư và khu dân cư dự án xây dựng Tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	ONT	Thôn Trường Thanh, xã Xuân Trường	0,20	NQ119 (đã thực hiện 1,75ha)
		ONT	Thôn Đại Đồng, xã Cương Gián	0,30	
		ONT	Thôn Trung Vân, xã Xuân Hải	0,25	
20	Khu dân cư NTM Song Long	ONT	Xã Cương Gián	4,80	NQ119
21	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	ONT	Xã Xuân Trường	4,88	NQ149
22	Khu dân cư nông thôn mới Trung Vân	ONT	Xã Xuân Hải	4,90	NQ149
23	Dự án Khu dân cư xã Xuân Giang	ONT	Xã Xuân Giang	4,40	NQ149
VIII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			6,00	

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích thu hồi đất (ha)	Ghi chú
24	QH Trung tâm hành chính (khối 8B và khối 9)	TSC	TT Xuân An	6,00	NQ119
IX	Đất cơ sở tôn giáo			4,00	
25	Mở rộng và tôn tạo đình hát Chùa Diên Phúc (thôn Cát Thủy)	TON	Xã Xuân Viên	4,00	NQ119
	TỔNG: 25 DM			81,27	

2. Đánh giá việc thực hiện các công trình dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019.

Theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019; và Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong năm 2019 trên địa bàn huyện Nghi Xuân có tổng số 27 công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 86,74 ha. Trong đó: 43,08ha đất trồng lúa và 43,66ha đất rừng phòng hộ (19 công trình, dự án theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND với diện tích 48,73ha; 5 công trình, dự án theo Nghị quyết 149/NQ-HĐND với diện tích 23,85ha; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND có 2 công trình, dự án với diện tích 10,01ha và Nghị quyết số 166/NQ-HĐND có 01 công trình, dự án với diện tích 4,15 ha);

(Cụ thể số lượng công trình trên các loại đất có Phụ lục 4A kèm theo)

Đánh giá các công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Đến thời điểm ngày 31/10/2019 đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được 9 công trình dự án, với diện tích 27,14ha, chiếm 33,33% tổng số danh mục và chiếm 31,29% về diện tích.

Các công trình dự án đã thực hiện bao gồm:

STT	Tên công trình, dự án		Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
I	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo			0,20	
1	Mở rộng trường THPT Nguyễn Công Trứ	DGD	TT Xuân An	0,20	NQ119
II	Đất giao thông			4,83	
2	Nâng cấp tuyến đường liên xã Giang - Tiên (ĐH 26)	DGT	Xã Tiên Điền	0,26	NQ119

STT	Tên công trình, dự án		Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	DGT	Xuân Viên, Xuân Lĩnh	0,42	NQ119 (chuyển 0,08ha sang KH2020)
4	Dự án Nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đoạn qua huyện Nghi Xuân (thuộc khoảnh 2, khoảnh 3, Tiểu khu 99)	DGT	Xã Cương Gián	4,15	NQ166
III	Đất thuỷ lợi			20,83	
5	Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1) đoạn từ Km32+693,87 đến Km37+411,66 thuộc dự án tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn km27+00 đến Km37+411) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián	DTL	Xã Cương Gián	11,50	NQ119
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn km 27+00 đến km 37+411,66) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân (Giai đoạn 1)	DTL	Xã Cương Gián	9,33	NQ138
IV	Đất công trình năng lượng			1,08	
7	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	DNL	Xã Xuân Lam	0,10	NQ149
		DNL	Xã Xuân Viên	0,30	NQ149
8	Dự án Đường dây và Trạm biến áp 110KV Nghi Xuân (Tiểu khu 90, khoảnh 1, lô 1,2-xã Xuân Hồng; Tiểu khu 92A, khoảnh 3, lô 1,2,3- thị trấn Xuân An)	DNL	Xã Xuân Hồng, TT Xuân An	0,68	NQ138
V	Đất ở tại đô thị			0,20	
9	Quy hoạch đất ở khối 10	ODT	TT Xuân An	0,20	NQ119
	TỔNG: 9 DM			27,14	

- Có 18 công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất đề nghị chuyển sang năm 2020, với diện tích 59,60ha, chiếm 66,67% tổng số danh mục và chiếm 68,71% tổng diện tích. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án		Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
I	Đất khu công nghiệp			19,64	

STT	Tên công trình, dự án		Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên, TT Xuân An	4,94	NQ119
2	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên	3,40	NQ119
3	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xuân Viên, TT Xuân An	4,00	NQ119
4	QH các lô đất thuộc QH khu công nghiệp Gia Lách	SKK	Xã Xuân Viên	7,30	NQ119
II	Đất thương mại dịch vụ			18,20	
5	Dự án Khu du lịch sinh thái biển Xuân Hội	TMD	Xã Xuân Hội	18,00	NQ149
6	QH cửa hàng xăng dầu và khu thương mại tổng hợp	TMD	Xã Xuân Yên	0,20	NQ149
III	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh			5,10	
7	Quy hoạch Làng nghề, thôn 3, thôn 4	SKC	Xã Xuân Phổ	5,10	NQ119
IV	Đất giao thông			2,28	
8	Nâng cấp tuyến đường liên xã An - Viên - Mỹ - Thành	DGT	Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Thành, TT Xuân An	0,80	NQ119
9	Nâng cấp các tuyến đường nội thị Thị Trấn Xuân An (đường Nguyễn Xí và đường Phan Duy Linh)	DGT	TT Xuân An	0,95	NQ119
10	Nâng cấp tuyến đường liên xã Hải - Yên - Thành	DGT	Xuân Hải, Xuân Yên, Xuân Thành	0,45	NQ119
11	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	DGT	Xuân Viên, Xuân Lĩnh	0,08	NQ119 (đã thực hiện 0,42ha)
V	Đất thủy lợi			1,50	
12	QH xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp khu công nghiệp Gia Lách	DTL	TT Xuân An Xã Xuân Viên	0,60 0,90	NQ119 NQ119
VI	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			0,10	
13	QH mở rộng khu di tích LS VH Nguyễn Công Trứ	DDT	Xã Xuân Giang	0,10	NQ119
VII	Đất ở tại nông thôn			7,58	
14	Khu dân cư NTM Song Long	ONT	Xã Cương Gián	2,00	NQ119
15	Quy hoạch đất ở nông thôn (Bàng Trung thôn Thịnh Mỹ)	ONT	Xã Xuân Mỹ	0,33	NQ119
16	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	ONT	Xã Xuân Trường	0,35	NQ149
17	Khu dân cư nông thôn mới Trung Văn	ONT	Xã Xuân Hải	4,90	NQ149
VIII	Đất ở tại đô thị			0,20	
18	Quy hoạch đất ở khối 8B	ODT	TT Xuân An	0,20	NQ119
IX	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			5,00	

STT	Tên công trình, dự án		Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Ghi chú
19	QH Trung tâm hành chính (khối 8B và khối 9)	TSC	TT Xuân An	5,00	NQ119
	TỔNG: 19 DM			59,60	

** Nguyên nhân khách quan, chủ quan không thực hiện được dự án:*

Do chưa bố trí được nguồn vốn, các thủ tục để triển khai chậm.

3. Đề xuất các công trình dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2020

Đề xuất 37 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích cần thu hồi đất là 90,56ha (trong đó: 39,08ha đất trồng lúa; 3,00ha đất rừng phòng hộ và 48,48ha đất khác); 22 danh mục công trình dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 63,31ha (trong đó: 42,31ha đất trồng lúa; 21,00ha đất rừng phòng hộ).

(Có Tờ trình và biểu đánh giá việc thực hiện danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 gửi kèm theo báo cáo này).

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Nghi Xuân về việc thực hiện danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019, đề xuất danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020, kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận và tổng hợp trình UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: TNMT, TC-KH, KTHT, Ban A;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam



PHỤ LỤC THỰC HIỆN DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THỦ HỒI CHI TIẾT TRÊN CÁC LOẠI ĐẤT THUỘC NQ 119, NQ 149 TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHI XUÂN

Hôm nay theo Báo cáo số 525/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân

STT	Tên công trình, dự án	Số lượng công trình			Đã thực hiện			Bỏ ra không thực hiện			Chuyển sang 2019			Ghi chú		
		Số lượng	Diện tích (ha)	%	Số lượng	%	Diện tích (ha)	Số lượng	%	Diện tích (ha)	Số lượng	%	Diện tích (ha)		%	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Đất khu công nghiệp	4	36,49	1	25,00	1,02	2,80	3	75,00	35,47	97,20					
2	Đất cụm công nghiệp	1	8,20	1	100,00	8,20	100,00									
3	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	2	0,55	1	50,00	0,25	45,45					1	50,00	0,30	54,55	
4	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1	1,30	1	100,00	1,30	100,00									
5	Đất giao thông	12	59,23	7	58,33	51,34	86,68					5	41,67	7,89	13,32	
6	Đất thủy lợi	3	15,52	1	33,33	12,00	77,32					2	66,67	3,52	22,68	
7	Đất công trình năng lượng	2	1,62	2	100,00	1,62	100,00									
8	Đất chợ	2	2,10									2	100,00	2,10	100,00	
9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2	2,26									2	100,00	2,26	100,00	
10	Đất ở tại nông thôn	6	21,73	2	33,33	2,00	9,20					4	66,67	19,73	90,80	
11	Đất trụ sở cơ quan	1	6,00									1	100,00	6,00	100,00	
12	Đất cơ sở tôn giáo	1	4,00									1	100,00	4,00	100,00	
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1	4,00	1	100,00	4,00	100,00									
	Tổng (A+B): 38 công trình	38	163,00	17	44,74	81,73	50,14	21	55,26	81,27	49,86					



PHỤ LỤC 1
PHẠM VI VÀ NỘI DUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CHI TIẾT
TRÊN CÁC MẶT ĐẤT THUỘC NQ 119, NQ 149, NQ 138, NQ 166 TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHI XUÂN
 Phụ lục kèm theo Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân

STT	Tên công trình, dự án	Số lượng công trình		Đã thực hiện			Bỏ ra không thực hiện			Chuyển sang 2019			Ghi chú			
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	%	Diện tích (ha)	%	Số lượng	%	Diện tích (ha)	%	Số lượng		%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Đất khu công nghiệp	4	19,64					4	100,00	19,64		4	100,00	19,64	100,00	
2	Đất thương mại dịch vụ	2	18,20					2	100,00	18,20		2	100,00	18,20	100,00	
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1	5,10					1	100,00	5,10		1	100,00	5,10	100,00	
4	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	1	0,20	1	100,00	0,20	100,00									
5	Đất giao thông	6	7,11	3	50,00	4,83	67,93					3	50,00	2,28	32,07	
6	Đất thủy lợi	3	22,33	2	66,67	20,83	93,28					1	33,33	1,50	6,72	
7	Đất công trình năng lượng	2	1,08	2	100,00	1,08	100,00									
8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	1	0,10									1	100,00	0,10	100,00	
9	Đất ở tại nông thôn	4	7,58									4	100,00	7,58	100,00	
10	Đất ở tại đô thị	2	0,40	1	50,00	0,20	50,00					1	50,00	0,20	50,00	
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	5,00									1	100,00	5,00	100,00	
	Tổng: 27 công trình	27	86,74	9	33,33	27,14	31,29	18	66,67	59,60	68,71					